

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HCM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HS-ST
Ngày : 15/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HCM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Muôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Kha
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố HCM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận H tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố HCM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Trần Quang M, sinh ngày: 15/10/1995, tại Thành phố HCM; Nơi cư trú: 311, Lô A3, Chung cư T, phường T, Quận H, Thành phố HCM; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa (học vấn): không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Hà (chết) và bà: Nguyễn Thị Dung, sinh năm: 1976; Vợ, con: chưa có.

Nhân Th: Ngày 04/6/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố HCM xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”, theo Bản án số: 70/2019/HSST ngày 04/6/2019.

Tiền sự: Ngày 24/7/2018, Ủy ban nhân dân phường T, Quận H, Thành phố HCM có Quyết định số: 229/QĐ-UBND áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Tiền án:

- Ngày 06/11/2013, bị Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố HCM xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2014.

- Ngày 21/01/2016, bị Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố HCM xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp T sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/4/2018.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 20/02/1998, tại BT; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Ấp 6B, AK, CT, BT; Chỗ ở: 45/1, Đường 16, Khu phố 2, phường T, Quận H, Thành phố HCM; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu Hồ (chết) và bà: Bùi Thị M Phương, sinh năm: 1969; Vợ, con: chưa có.

Tiền sự: không.

Tiền án:

- Ngày 15/9/2017, bị Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố HCM xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/02/2018.

- Ngày 26/11/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố HCM xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/8/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Lê Quốc Th, sinh năm: 1956 (Có mặt tại phiên tòa);

2. Anh Lê M Đ, sinh năm: 1996 (Có mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Nhà không số, đường Lê Phụng Hiểu, Khu phố 3, phường Cát Lái, Quận H, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 26/8/2018, anh Lê M Đ đến nhà vợ cũ là Nguyễn Thị Bích Tr để thăm con thì gặp Trần Quang M chở chị Tr, nên giữa anh Đ và M cãi nhau, Đ dùng tay tát chị Tr 2 cái, anh Đ và M đánh nhau được chị Tr

can ngăn nên anh Đ bỏ về. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, M điện thoại cho anh Đ rủ đến chung cư T, phường T, Quận H để đánh nhau, nhưng anh Đ không đồng ý mà thách thức kêu M đến nhà tại quán cà phê Ngọc Diễm, không số, đường Lê Phụng Hiểu, khu phố 3, phường Cát Lái, Quận H, Thành phố HCM để giải quyết.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, M chạy xe mô tô hiệu Yamaha, không rõ biển số chạy trên đường Nguyễn Thị Định, Quận H thì gặp T (bạn của M) và bạn của T (không rõ lai lịch). M rủ cả hai đi đánh nhau, được T và bạn của T đồng ý và đi theo M đến chung cư T, phường T, Quận H. M đi lên nhà số: 311, Lô A3, cầm xuống 4 con dao tự chế, bằng kim loại đưa cho T và bạn của T 2 con dao. Đồng thời, M điện thoại cho Nguyễn Hữu T rủ đi đánh nhau, T đồng ý và chạy đến chung cư T gặp nhóm của M. M điều khiển xe mô tô hiệu Luvias chở Tr, T điều khiển xe mô tô hiệu Vision (không rõ biển số) chở bạn của T và T đến nhà của anh Đ. Khi đến cổng B Cảng Cát Lái, phường Cát Lái, Quận H, M dừng xe lại đưa cho T 01 con dao tự chế, rồi cả nhóm tiếp tục đến nhà của anh Đ. Khi cách nhà anh Đ khoảng 10 mét, cả nhóm của M dừng xe lại, cầm dao đi bộ đến, anh Đ đang ngồi trước nhà nhìn thấy nhóm của M cầm dao đang đi tới nên quay lưng chạy vào trong nhà, thì bị M cầm dao chém 01 nhát trúng vào lưng gây thương tích. Ông Lê Quốc Th (cha của anh Đ) thấy vậy, đi ra giơ hai tay lên ngăn cản thì bị M dùng dao chém 01 nhát trúng mu bàn tay phải và trái. Sau đó, cả nhóm của M xông vào nhà chém anh Đ thì bà Trương Thị N (mẹ của anh Đ) đang quét nhà nhìn thấy T và bạn của T cầm dao xông vào can ngăn thì bị vướng chân nên vấp ngã té xuống đất bị gãy chân trái. Còn anh Đ lấy 01 con dao để ngay bếp nhảy lên giường chống trả. M và T chạy vòng qua hông nhà chặn anh Đ lại thì bị anh Đ cầm dao chạy đến. M vung dao lên định chém anh Đ thì chị Tr dùng tay giằng lại, nhưng lưỡi dao vẫn trúng vào hông phải của anh Đ gây thương tích. Anh Đ xông vào làm M và anh Đ ngã xuống đất, con dao của M rơi xuống đất. Thấy vậy, T dùng dao chồm tới chém 01 nhát trúng vào vai trái của anh Đ, anh Đ bỏ chạy thì bị T chặn lại, anh Đ cầm dao chém 01 nhát trúng vào bắp tay trái của T làm T bị ngã, anh Đ cầm dao bỏ chạy ra đường Lê Phụng Hiểu trốn. Sau đó, nhóm của M cũng bỏ đi và để lại hiện trường 01 con dao dài 57cm, 03 vỏ bao bằng vải nỉ màu đen, 01 đôi dép Lào màu xanh và 01 đôi dép màu xám. Sau khi nhóm của M bỏ đi, anh Đ cầm dao về nhà đưa cho anh Trương Hoàng Tường (anh rể của Đ). Anh Đ, ông Th và bà N được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Quận H. Sau đó, ông Th và

bà N được chuyển đến Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình tiếp tục điều trị, còn anh Đ được chuyển đến điều trị tại Bệnh viện 115, Thành phố HCM điều trị. M đưa T đến Bệnh viện Quận H khâu vết thương. Trên đường đi, T đưa lại con dao gây án cho M, M đưa cho T cất giữ. Sau đó, M cùng Tr bỏ trốn ở thành phố Vũng Tàu, còn T và bạn của T bỏ đi đâu không rõ.

Đến ngày 30/8/2018, Nguyễn Hữu T bị Công an Quận 9, Thành phố HCM bắt giam về hành vi “Trộm cắp T sản”. Ngày 30/11/2018, M bị Công an Quận 7 bắt giam về hành vi “Trộm cắp T sản”. Sau đó, Công an Quận 7 và Công an Quận 9 thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận H biết để xử lý hành vi Cố ý gây thương tích của M và T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận H, Trần Quang M và Nguyễn Hữu T khai nhận hành vi phạm tội của mình.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 862/TgT.18 ngày 17/10/2018 của Trung tâm pháp y-Sở Y tế Thành phố HCM đối với anh Lê M Đ, kết luận:

- Vết thương tại mặt sau vai trái gây đứt da, mẻ xương bả vai tại vị trí vết thương, đã được điều trị khâu vết thương, hiện còn một sẹo kích thước 8,3 x (0,1-0,3)cm, tình trạng ổn định. Có tỷ lệ 05% (Năm phần trăm).

- Vết thương tại vùng thắt lưng gây đứt da, đứt cơ, gãy mỏm gai đốt sống thắt lưng 4, đã được điều trị khâu vết thương, hiện còn một sẹo kích thước 14 x 0,15cm, tình trạng ổn định. Có tỷ lệ 10% (Mười phần trăm).

Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn tác động mạnh gây ra.

- Vết thương phần mềm gây đứt da, đã được điều trị khâu vết thương, hiện còn một sẹo kích thước 5 x 0,1cm tại hông phải, tình trạng ổn định. Có tỷ lệ 02% (Hai phần trăm).

Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra.

Cộng lại các tỷ lệ trên sẽ ra tỷ lệ 16,21%, làm tròn số sẽ là 16% (Mười sáu phần trăm).

Con dao như quý cơ quan cung cấp có thể gây ra được các thương tích trên.

* Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 794/TgT.18 ngày 03/10/2018 của Trung tâm pháp y-Sở Y tế Thành phố HCM đối với ông Lê Quốc Th, kết luận:

- Vết thương phần mềm tạo một sẹo nông mờ tại mặt mu ngón III bàn tay trái kích thước 0,9x0,9cm, ổn định. Có tỷ lệ 01% (Một phần trăm). Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra.

- Vết thương mặt mu các ngón II, III, IV bàn tay phải gây đứt lóc da, đứt gân duỗi ngón III, IV, đã được điều trị khâu gân, khâu vết thương, hiện còn:

+ Các sẹo kích thước: 3 x 0,05cm tại đốt gần ngón II; 6,2 x 0,05cm tại đốt gần ngón III và 8,7 x 0,05cm tại đốt gần ngón IV.

+ Hạn chế gấp duỗi nhẹ ngón III, IV. Có tỉ lệ 08% (Tám phần trăm). Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra. Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 09% (Chín phần trăm).

Con dao như quý cơ quan cung cấp gây ra được thương tích này.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 802/TgT.18 ngày 03/10/2018 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố HCM đối với bà Trương Thị N, kết luận:

- Chấn thương cổ chân trái gây sưng nề mô mềm, gãy trật hai mắt cá chân đã được điều trị mổ nắn trật, kết hợp xương, hiện còn:

+ Hai sẹo mổ ở hai mắt cá chân có kích thước 11,3 x 0,05cm và 6,2 x 0,05cm.

+ Hình ảnh gãy hai mắt cá chân trái đã được kết hợp xương trên phim X Quang.

+ Hạn chế gấp duỗi cổ chân.

Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 24%.

Con dao như quý cơ quan cung cấp không gây ra được thương tích trên.

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 con dao dài 57cm, cán bằng nhựa màu đen dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 45cm, bản rộng 06cm, của nhóm M sử dụng dùng để chém anh Đ và ông Th.

+ 03 vỏ bao dao bằng vải ni màu đen.

+ 01 đôi dép lười màu xanh, có chiếc dép bên trái bị đứt quai.

+ 01 đôi dép màu xám của Nguyễn Hữu T.

+ 01 con dao bằng kim loại màu trắng dài 29cm, cán màu đen bằng nhựa đã bị vỡ, của Đ sử dụng khi đánh nhau.

Tại bản Cáo trạng số: 34/CT-VKSQ2 ngày 24 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân Quận H đã truy tố các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu

T về tội: “Cố ý gây thương tích”, theo điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tội. Sau khi xem xét toàn bộ nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân Th các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và:

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55; khoản 1 Điều 56 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Trần Quang M từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 70/2019/HSST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố HCM. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 55 và Điều khoản 1 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 141/2019/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố HCM. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho phía bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa án tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T không tranh luận gì đối với phần luận tội của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận H. Chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại, anh Lê M Đ yêu cầu các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T bồi thường chi phí điều trị vết thương là 2.101.146 đồng.

- Ông Lê Quốc Th yêu cầu bị cáo Trần Quang M bồi thường thiệt hại chi phí điều trị vết thương là 6.646.530 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các Tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định về thương tích của bị hại cùng các Tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 21 giờ ngày 26/8/2018, bị cáo Trần Quang M đã dùng dao chém vào lưng và hông của anh Lê M Đ gây thương tích là 12% và chém vào mu ngón II, III, VI bàn tay phải gây đứt lóc da, đứt gân duỗi ngón III, VI của ông Lê Quốc Th gây thương tích là 09%. Bị cáo Nguyễn Hữu T đã dùng dao chém 01 nhát vào vai trái của anh Lê Anh Đ gây thương tích 05%. Hành vi của các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, với hai tình tiết định khung quy định điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận H, Thành phố HCM truy tố các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T là đúng người, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử và tuyên phạt mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra. Nhân Th các bị cáo xấu, mỗi bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Sau khi gây án xong lại bỏ trốn và tiếp tục phạm tội, đến nay chưa bồi thường thiệt hại cho bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục và răn đe phòng ngừa. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha chết sớm. Trong vụ án này, phía bị hại, anh Lê M Đ cũng có một phần lỗi là gây sự và dùng tay tát bị cáo M trước. Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[4] Xét đối với các đối tượng tên T và bạn của T có hành vi cùng cầm dao đi với M xông vào nhà đuổi chém anh Đ nhưng chưa chém được, hiện chưa xác định được lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra đang tiếp tục làm rõ và xử lý sau.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Xét khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T đã sử dụng hung khí nguy hiểm là con dao chém gây thương tích cho anh Lê M Đ với tỷ lệ thương tật là 16%. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, anh Đ có cung cấp cho Tòa án các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc điều trị vết thương với số tiền là 2.101.146 đồng và yêu cầu các bị cáo hoàn trả lại. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền này cho bị hại.

- Tương tự, ông Lê Quốc Th cung cấp các hóa đơn, chứng từ và yêu cầu bị cáo Trần Quang M bồi thường số tiền là 6.646.530 đồng. Xét đây là các chi phí hợp lý mà ông Th đã bỏ ra để điều trị vết thương, nghĩ nên buộc bị cáo Trần Quang M bồi thường lại cho ông Th. Tại phiên tòa, bị cáo M cũng đồng ý bồi thường cho bị hại.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Xét quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra có thu giữ một số vật chứng gồm: 01 (một) con dao dài 57cm, cán bằng nhựa màu đen dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 45cm, bản rộng 06cm, của nhóm M sử dụng dùng để chém anh Đ và ông Th; 03 (ba) vỏ bao dao bằng vải nỉ màu đen; 01 (một) đôi dép lười màu xanh, có chiếc dép bên trái bị đứt quai; 01 (một) đôi dép màu xám của Nguyễn Hữu T và 01 (một) con dao bằng kim loại màu trắng dài 29cm, cán màu đen bằng nhựa đã bị vỡ của Đ sử dụng khi đánh nhau. Các vật chứng này không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu huỷ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Về án phí:

- Các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T, mỗi người phải chịu 200.000 đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 2.101.146 đồng, phải bồi thường cho anh Lê M Đ.

- Bị cáo Trần Quang M chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 6.646.530 đồng, phải bồi thường cho ông Lê Quốc Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1.1. Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang M 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 70/2019/HSST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố HCM. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2018.

1.2. Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 141/2019/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố HCM. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 288, 584, 585, 587 Bộ luật Dân sự 2015 và điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

- Buộc các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T cùng liên đới bồi thường cho anh Lê M Đ số tiền: 2.101.146 (Hai triệu, một trăm lẻ một nghìn, một trăm bốn mươi sáu) đồng.

- Buộc các bị cáo Trần Quang M bồi thường cho ông Lê Quốc Th số tiền: 6.646.530 (Sáu triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dài 57cm, cán bằng nhựa màu đen dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 45cm, bản rộng 06cm, do nhóm của M dùng để chém anh Đ và ông Th; 03 (ba) vỏ bao dao bằng vải nỉ màu đen; 01 (một) đôi dép lười màu xanh, có chiếc dép bên trái bị đứt quai; 01 (một) đôi dép màu xám của Nguyễn Hữu T và 01 (một) con dao bằng kim loại màu trắng dài 29cm, cán màu đen bằng nhựa đã bị vỡ, của Đ sử dụng khi đánh nhau.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 18/QĐ-VKSQ2 ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận H và Biên bản giao nhận vật chứng số: 029/2019 ngày 28/5/2019 giữa Công an Quận H và Chi cục Thi hành án Dân sự Quận H, Thành phố HCM).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 và mục 1, phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

- Các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T, mỗi người nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T cùng liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo Trần Quang M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 332.322 (Ba trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi hai) đồng.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận H;
- Công an Tp. HCM (PV.06);
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận H;
- Công an Quận H;
- Thi hành án hình sự (PC.10);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Muôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
H
THÀNH PHỐ HCM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận H, ngày 15 tháng 7 năm 2019

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày 15 tháng 7 năm 2019.

Tại Phòng nghị án, Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố HCM.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Muôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Kha
2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Kim

Tiến hành nghị án vụ án hình sự thụ lý số: 31/2019/TLST-HS, ngày 03 tháng 6 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Trần Quang M (Subachai), sinh ngày: 15/10/1995, tại Thành phố HCM; Nơi cư trú: 311, Lô A3, Chung cư T, phường T, Quận H, Thành phố HCM.

2. Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 20/02/1998, tại BT; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Ấp 6B, An Chánh, CT, BT; Chỗ ở: 45/1, Đường 16, Khu phố 2, phường T, Quận H, Thành phố HCM.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và Tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quang M (Subachai) và Nguyễn Hữu T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Kết quả biểu quyết: 3/3, đạt 100%.

2. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; khoản 1 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào các Điều 288, 584, 585, 587 Bộ luật Dân sự 2015 và điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 và mục 1, phần I Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (*Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*).

Kết quả biểu quyết: 3/3, đạt 100%.

3. Về hình phạt:

- Xử phạt: Bị cáo Trần Quang M (Subachai) 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 70/2019/HSST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố HCM. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2018. Kết quả biểu quyết: 3/3, đạt 100%.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 141/2019/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố HCM. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/8/2018. Kết quả biểu quyết: 3/3, đạt 100%.

4. Các vấn đề khác:

4.1. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T cùng liên đới bồi thường cho anh Lê M Đ số tiền: 2.101.146 (Hai triệu, một trăm lẻ một nghìn, một trăm bốn mươi sáu) đồng.

- Buộc các bị cáo Trần Quang M bồi thường cho ông Lê Quốc Th số tiền: 6.646.530 (Sáu triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lai suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao dài 57cm, cán bằng nhựa màu đen dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 45cm, bản rộng 06cm, do nhóm của M dùng để chém anh Đ và ông Th; 03 (ba) vỏ bao dao bằng vải nỉ màu đen; 01 (một) đôi dép lười màu xanh, có chiếc dép bên trái bị đứt quai; 01 (một) đôi dép màu xám của Nguyễn Hữu T và 01 (một) con dao bằng kim loại màu trắng dài 29cm, cán màu đen bằng nhựa đã bị vỡ, của Đ sử dụng khi đánh nhau.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số: 18/QĐ-VKSQ2 ngày 28/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận H và Biên bản giao nhận vật chứng số: 029/2019 ngày 28/5/2019 giữa Công an Quận H và Chi cục Thi hành án Dân sự Quận H, Thành phố HCM).

4.3. Về án phí:

- Các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T, mỗi người nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo Trần Quang M và Nguyễn Hữu T cùng liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

- Bị cáo Trần Quang M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 332.322 (Ba trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi hai) đồng.

4.4. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ..... phút, ngày 15 tháng 7 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
H
THÀNH PHỐ HCM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận H, ngày 15 tháng 7 năm 2019

Số: 110/2019/HSST-QĐ

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HCM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Muôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Kha

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Kim

Căn cứ các Điều 44, 109, 113, 119, 277 và 278 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng xét
xử sơ thẩm;

Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành
án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tạm giam bị cáo: Trần Quang M (Subachai), sinh ngày: 15/10/1995, tại Thành phố HCM; Nơi cư trú: 311, Lô A3, Chung cư T, phường T, Quận H, Thành phố HCM.

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt: 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 70/2019/HS-ST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố HCM. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2018.

Theo điểm d, đ khoản 2 Điều 134, khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

2. Nhà tạm giữ Công an Quận H có trách nhiệm thi hành Lệnh này.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận H;
- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ Công an Quận H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
H
THÀNH PHỐ HCM
Nguyễn Hữu Muôn
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận H, ngày 15 tháng 7 năm 2019

Số: 111/2019/HSST-QĐ

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H – THÀNH PHỐ HCM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Muôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Kha

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng Kim

Căn cứ các Điều 44, 109, 113, 119, 277 và 278 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào Biên bản nghị án ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tạm giam bị cáo: Nguyễn Hữu T, sinh ngày: 20/02/1998, tại BT; Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Ấp 6B, AK, CT, BT; Chỗ ở: 45/1, Đường 16, Khu phố 2, phường T, Quận H, Thành phố HCM

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt: 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số: 141/2019/HS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố HCM. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2018.

Theo điểm d, đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Thời hạn tạm giam là: 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

2. Nhà tạm giữ Công an Quận H có trách nhiệm thi hành Lệnh này.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Quận H;
- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ Công an Quận H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Muôn

